

Số: 1691/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt vị trí việc làm công chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tại Tờ trình số 2356/TTr-BQL ngày 24/4/2026; đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 328/TTr-SNV ngày 28/4/2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (kèm theo Danh mục chi tiết).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Giao Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng căn cứ Danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm được phê duyệt tại Quyết định này và quy định có liên quan triển khai, chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

a) Phê duyệt Bản mô tả công việc, khung năng lực đối với từng vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức trực thuộc, trong đó xác định cụ thể cấp độ sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ đối với vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương trở xuống.

b) Bố trí công chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ đã được phê duyệt và quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức.

Sau khi bố trí công chức vào vị trí việc làm và xếp ngạch tương ứng, trường hợp có số lượng thực tế vượt quá tỷ lệ đã được phê duyệt thì phải thực

hiện việc sắp xếp, bố trí để đảm bảo sau ngày 01/7/2027 thực hiện đúng tỷ lệ theo quy định. Trong thời gian này, không thực hiện việc thay đổi vị trí việc làm có ngạch công chức xếp theo thứ bậc về chuyên môn, nghiệp vụ từ thấp lên cao đối với những vị trí việc làm đã vượt quá tỷ lệ quy định.

2. Giao Sở Nội vụ kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tại Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Phòng NVKTGS;
- Lưu: VT, N.H.Điệp.#

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Tiến Phụng**

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TỶ LỆ CÔNG CHỨC BỔ TRÍ THEO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)



A. DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>54</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý</b>	<b>8</b>			
1.1	Trưởng ban Ban Quản lý	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.2	Phó Trưởng ban Ban Quản lý	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.3	Trưởng phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.4	Chánh Văn phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.5	Trưởng đại diện	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.6	Phó Trưởng phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.7	Phó Chánh Văn phòng	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
1.8	Phó Trưởng đại diện	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
2	Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ	42			
2.1	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Đại học trở lên các nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.2	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.3	Chuyên viên chính về quản lý đầu tư	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.4	Chuyên viên về quản lý đầu tư	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.5	Chuyên viên chính về giám định và quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công	



STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				trình xây dựng và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.6	Chuyên viên về giám định và quản lý chất lượng công trình xây dựng	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.7	Chuyên viên chính về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.8	Chuyên viên về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.9	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.10	Chuyên viên về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kiến trúc và Xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.11	Chuyên viên chính về quản lý doanh nghiệp	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
2.12	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.13	Chuyên viên chính về hội nhập kinh tế quốc tế	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.14	Chuyên viên về hội nhập kinh tế quốc tế	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.15	Chuyên viên chính về quản lý thương mại quốc tế	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.16	Chuyên viên về quản lý thương mại quốc tế	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Kiến trúc và Xây dựng, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.17	Chuyên viên chính về môi trường	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.18	Chuyên viên về môi trường	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản lý nhà nước, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.19	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.20	Chuyên viên về quản lý đất đai	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Kỹ thuật môi trường, Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.21	Chuyên viên chính về việc làm	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.22	Chuyên viên về việc làm	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành khác phù hợp.	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
2.23	Chuyên viên chính về an toàn, vệ sinh lao động	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.24	Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.25	Pháp chế viên chính	1	Pháp chế viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành Luật.	
2.26	Pháp chế viên	1	Pháp chế viên	Trình độ đại học trở lên một trong số chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành Luật.	
2.27	Chuyên viên chính về tổng hợp	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.28	Chuyên viên về tổng hợp	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.29	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.30	Phụ trách Kế toán	1		Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán.	
2.31	Kế toán viên	1	Kế toán viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán.	
2.32	Chuyên viên về Thủ quỹ	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán.	
2.33	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Luật, Quản trị - Quản lý, Khoa học chính trị, Kinh doanh, Kinh tế học và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
3.34	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.35	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.36	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	1	Chuyên viên chính	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.37	Chuyên viên về cải cách hành chính	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.38	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.39	Chuyên viên về Quản trị công sở	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Luật, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông, Quản trị - quản lý, Khoa học chính trị và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.40	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	1	Chuyên viên	Trình độ đại học trở lên một trong số các chuyên ngành thuộc ngành hoặc nhóm ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và Quản lý, Luật, Quản lý nhà nước, Kiến trúc và Xây dựng, quản lý Tài nguyên và Môi trường, Công	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Yêu cầu trình độ đào tạo của vị trí việc làm	Ghi chú
				nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, Quản lý công nghiệp, Công nghệ thông tin, Công nghệ điện, điện tử và viễn thông và một số chuyên ngành khác phù hợp.	
2.41	Văn thư viên	1	Văn thư viên	Trình độ đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư - lưu trữ, lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.	
2.42	Chuyên viên về Lưu trữ	1	Chuyên viên	Trình độ Đại học trở lên ngành lưu trữ; đối với các ngành, chuyên ngành khác có liên quan phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác được đảm nhiệm, công tác quản lý phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ lưu trữ do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành lưu trữ.	
3	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	4			
3.1	Nhân viên kỹ thuật	1		Theo yêu cầu của cơ quan sử dụng	
3.2	Nhân viên phục vụ	1			
3.3	Nhân viên lái xe	1			
3.4	Nhân viên bảo vệ	1			

**B. TỶ LỆ CÔNG CHỨC BỐ TRÍ THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

STT	Ngạch công chức	Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp và tương đương	- Trưởng ban Ban Quản lý: 01/01 người, tỷ lệ 100% - Phó Trưởng ban Ban Quản lý: Tỷ lệ không vượt quá 50% tổng số lượng cấp phó người đứng đầu của các cơ quan chuyên môn và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố theo quy định của cấp có thẩm quyền	
2	Chuyên viên chính và tương đương	Không vượt quá 50% tổng số biên chế công chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng được cấp có thẩm quyền giao	
3	Chuyên viên và tương đương	Tỷ lệ còn lại đối với số lượng công chức còn lại của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	

